TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DSST
Ngày 10 - 11 – 2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trang Thị Huỳnh Phương

2. Bà Trần Thanh Duyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH A

Trụ sở: 101 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 93 N, phường Đ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022)

- *Bị đơn*: Ông Sơn Ngọc B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã LH A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH A là ông Nguyễn Minh C trình bày:

Từ năm 2012, nhằm thực hiện chương trình mơ ước, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là ADC) cùng ông Sơn Ngọc B có hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp nhằm sản xuất nông sản. Cụ thể ADC sẽ cung cấp vật tư nông nghiệp cho ông Bình để ông Bình sản xuất nông sản, số lượng vật tư sẽ do ông Bình đặt hàng tùy theo nhu cầu, ông Bình có nghĩa vụ trả tiền vật tư nông nghiệp cho ADC vào mỗi cưới vụ, trả trước hạn sẽ được hưởng, trường hợp trễ hạn phải chịu mức lãi suất 1,1 %/30 ngày.

Trong quá trình hợp tác, ADC cung cấp hàng hóa đầy đủ, kịp thời khi ông Bình có yêu cầu. Nhưng về phía ông Bình đã không trả đầy đủ tiền hàng hóa cho ADC dẫn đến phát sinh nợ quá hạn.

Qua đối chiếu công nợ, đến ngày 31/3/2021, ông Bình còn nợ tiền vật tư nông nghiệp 73.234.526 đồng.

Nay Công ty TNHH A yêu cầu ông Bình thanh toán số nợ còn thiếu lại là 73.234.526 đồng, và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ 01/4/2021 đến ngày thanh toán hết số nợ.

** Tại bản tự khai ngày 22 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Sơn Ngọc B trình bày:*

Ông Sơn Ngọc B thừa nhận có ký kết hợp đồng mua bán và còn nợ lại Công ty TNHH A số tiền tính đến ngày 31/3/2021 là 73.234.526 đồng. Ông đồng ý trả cho công ty số nợ còn lại là 73.234.526 đồng nhưng yêu cầu công ty không tính lãi suất đối với số nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Bị đơn cư trú tại ấp B, xã LH A, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A yêu cầu ông Sơn Ngọc B có trách nhiệm trả cho ADC số tiền 73.234.526 đồng, và lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ 01/4/2021 đến ngày thanh toán hết số nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp giữa các bên là do các bên tự thoả thuận với nhau. Căn cứ vào sổ chi tiết đơn vị mua từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/3/2021, ADC và ông Sơn Ngọc B có chốt lại nợ cuối kỳ là 73.234.526 đồng. Tại bản tự khai ngày 22 tháng 8 năm 2022 ông Sơn Ngọc B cũng thống nhất trả cho công ty số tiền số tiền còn nợ lại là 73.234.526 đồng. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A yêu cầu bị đơn ông Sơn Ngọc B trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ lại 73.234.526 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Công ty TNHH A yêu cầu ông Sơn Ngọc B trả lãi suất chậm trả của số nợ theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán hết nợ. Ông Sơn Ngọc B không đồng ý trả lãi suất, chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc. Xét thấy, sau khi hai bên tổng kết nợ vào ngày 31/3/2021, ông Bình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nên theo khoản 1 Điều 357 BLDS năm 2015 *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*, do đó ông Bình phải có trách nhiệm thanh toán lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ chưa thanh toán. Từ đó, yêu cầu của Công ty TNHH A yêu cầu thanh toán phần lãi suất chậm trả với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS. Tuy nhiên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi suất đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thời gian sau khi xét xử sơ thẩm ông Bình có nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả tại giai đoạn Thi hành án dân sự cho đến khi thanh toán hết nợ.

Lãi suất tính từ ngày 01/4/2021 đến ngày 10/11/2022 là: 19 tháng 09 ngày x 10%/năm x 73.234.526 đồng = 11.778.552 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Sơn Ngọc B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A, buộc ông Sơn Ngọc B có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A số tiền 85.013.078 đồng (Trong đó: nợ gốc 73.234.526 đồng, nợ lãi 11.758.552 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Sơn Ngọc B phải chịu 4.250.653 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 1.831.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012014 ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Hồng Nhân